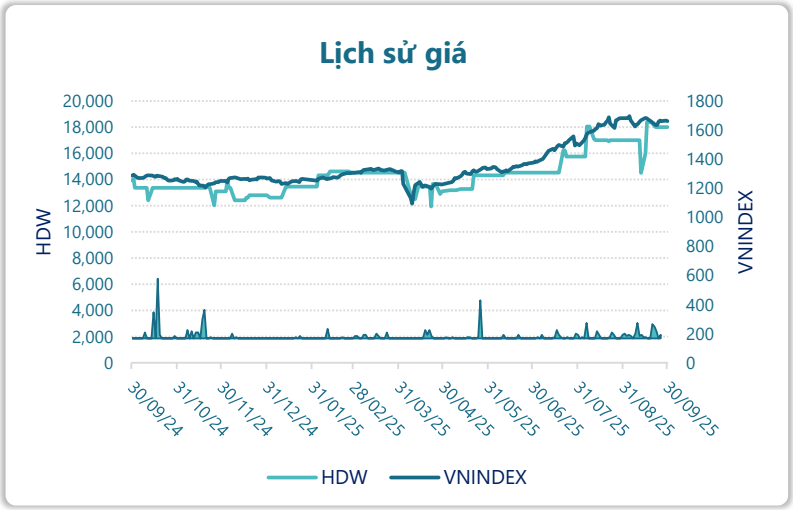
FireAnt

CTCP Kinh doanh nước sạch Hải Dương (UPCOM: HDW)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,938
SL cổ phiếu LH	34,407,338
KLGD BQ 20 phiên (CP)	405
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	619
P/E	13.7
EPS	1,314

DT thuần

Q3/25

157

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00| 6.1%

YoY: ▲ 7.00| 4.6%

LN sau thuế

Q3/25

17.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.3| 220%

YoY: ▼0.10| -0.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

16.2%

+/- YoY: ▼ 1.1%

DT thuần

9T 2025

449

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 30.0| 7.1%

LN sau thuế

9T 2025

36.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.90| -2.5%

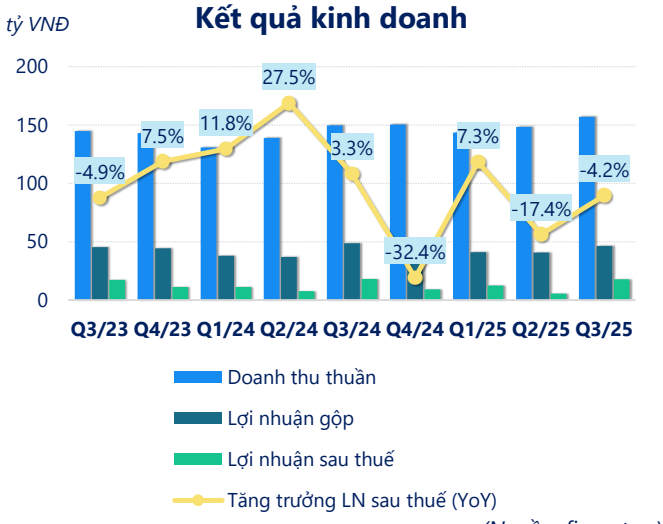
ROE

Q3/25

9.9%

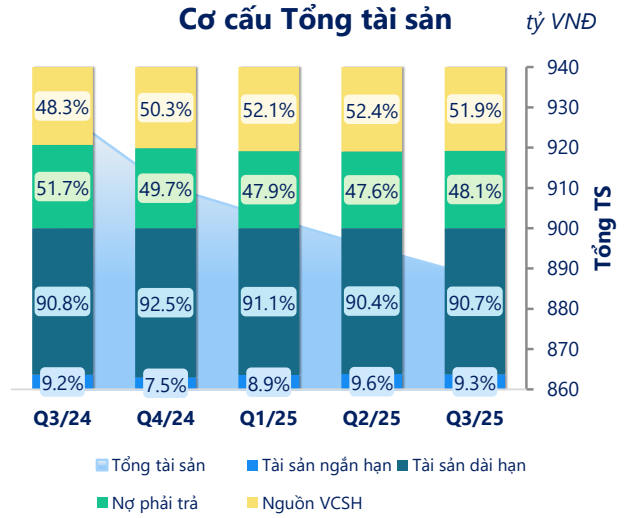
+/- YoY: ▼ 0.9%

Kết quả kinh doanh



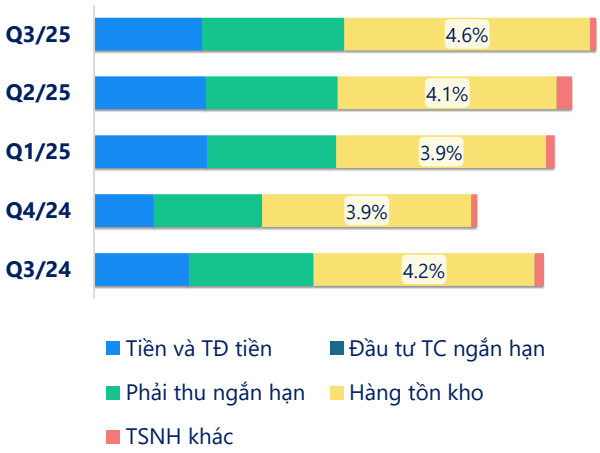
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



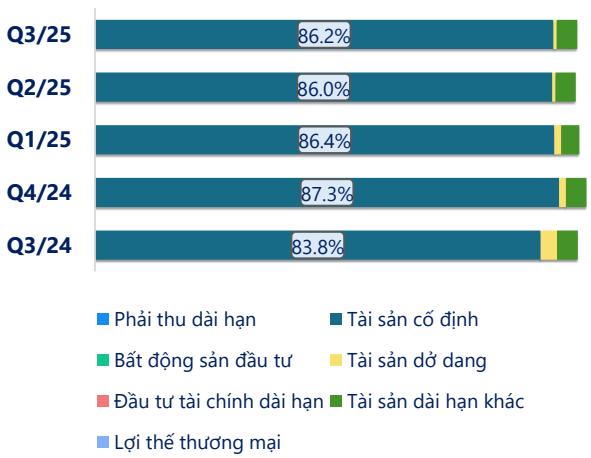
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



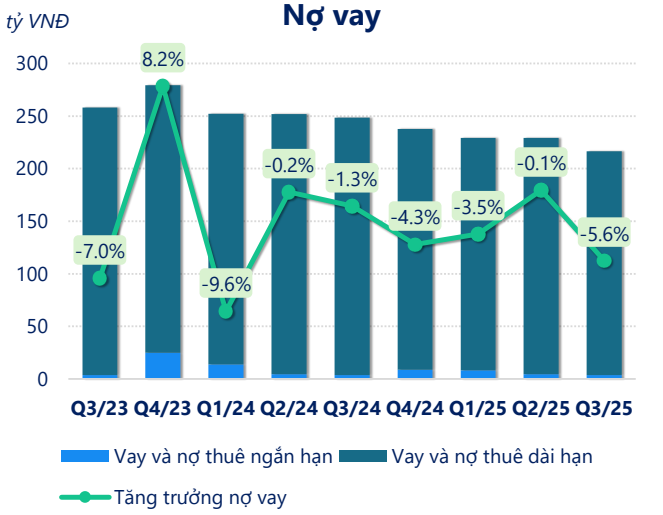
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



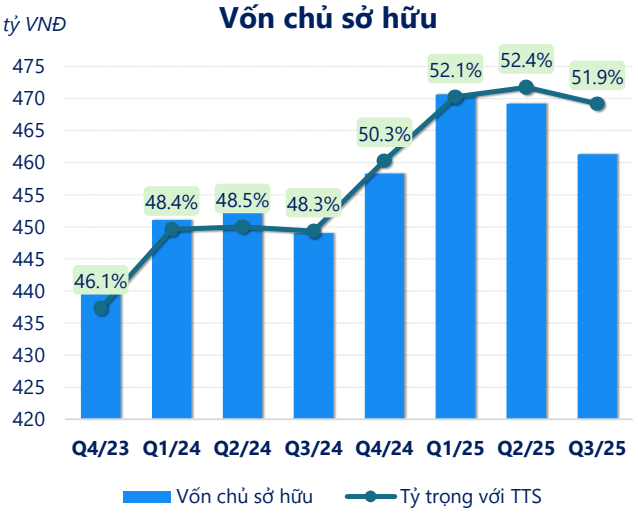
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



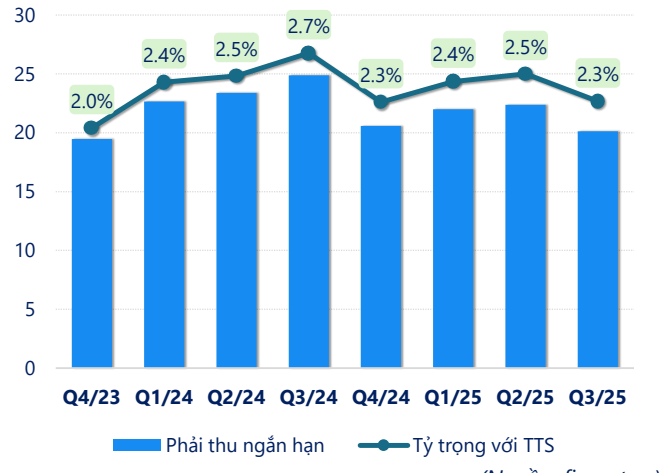
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



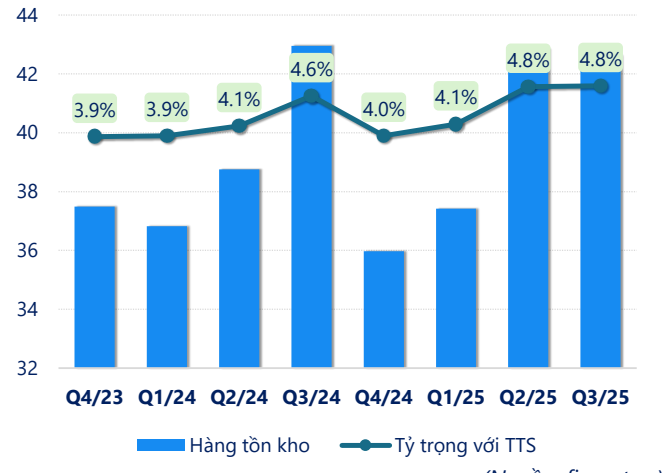
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



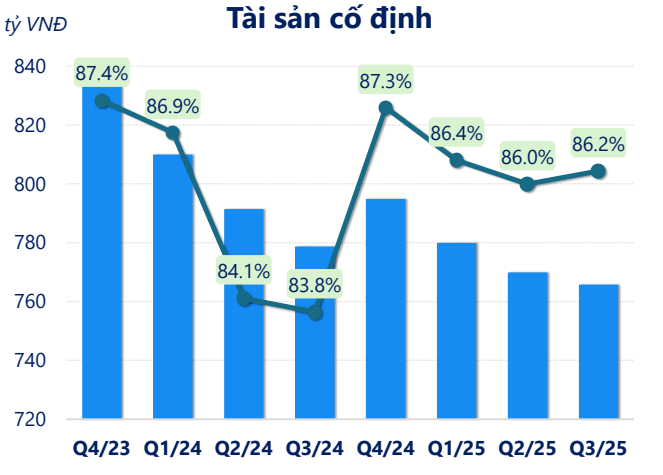
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



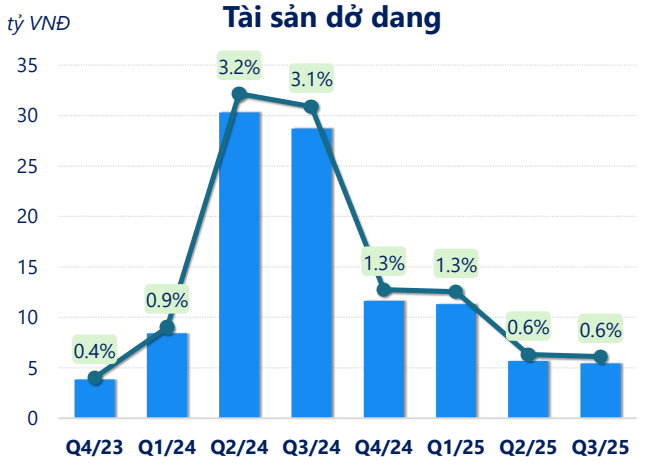
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



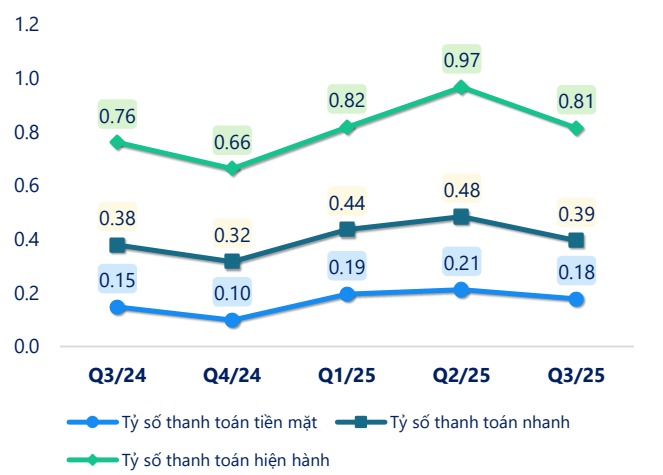
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



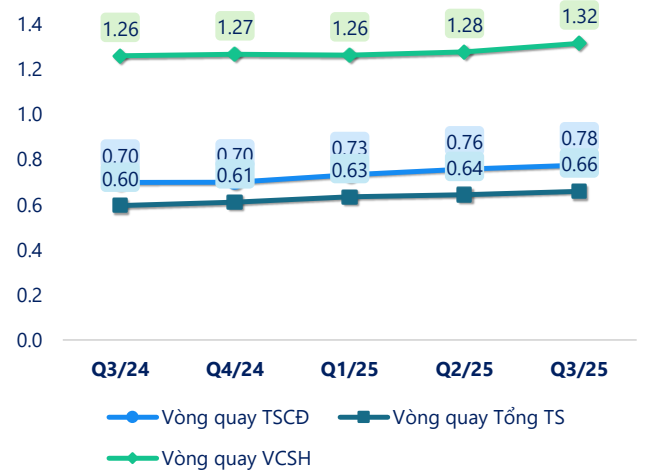
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**929**	**911**	**903**	**895**	**888**
Tài sản ngắn hạn	**85.5**	**68.7**	**80.3**	**85.8**	**82.7**
Tiền và tương đương tiền	16.5	10.2	19.2	18.8	18.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	24.9	20.6	22.0	22.4	20.1
Hàng tồn kho	43.0	36.0	37.4	42.8	42.6
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	1.99	1.72	1.80	1.93
Tài sản dài hạn	**843**	**842**	**822**	**809**	**805**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	779	795	780	770	766
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	28.7	11.6	11.3	5.66	5.42
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	36.1	35.3	31.2	33.9	34.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**480**	**452**	**432**	**426**	**427**
Nợ ngắn hạn	**112**	**104**	**98.3**	**88.8**	**102**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.62	8.86	8.05	4.43	3.62
Phải trả người bán ngắn hạn	63.9	56.1	51.0	40.3	42.3
Nợ dài hạn	368	349	334	337	325
Vay và nợ thuê dài hạn	245	229	221	225	213
Nguồn vốn chủ sở hữu	**449**	**458**	**471**	**469**	**461**
Vốn chủ sở hữu	**449**	**458**	**471**	**469**	**461**
Vốn điều lệ	319	319	319	319	319
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)